

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**KHOA KINH TẾ**

---



**BẢN MÔ TẢ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH**

**KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

**MÃ NGÀNH: 8310102**

*(Ban hành theo Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV, ngày 21/09/2017*

*của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh)*

Nghệ An, 2017



## PHẦN I. GIỚI THIỆU

### 1.1. Trường Đại học Vinh

#### 1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục vào năm 2017.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009 và năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), và nhiều phần thưởng cao quý khác

#### 1.1.2. *Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục*

- **Sứ mạng:** Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

- **Tầm nhìn:** Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

- **Mục tiêu tổng quát:** Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

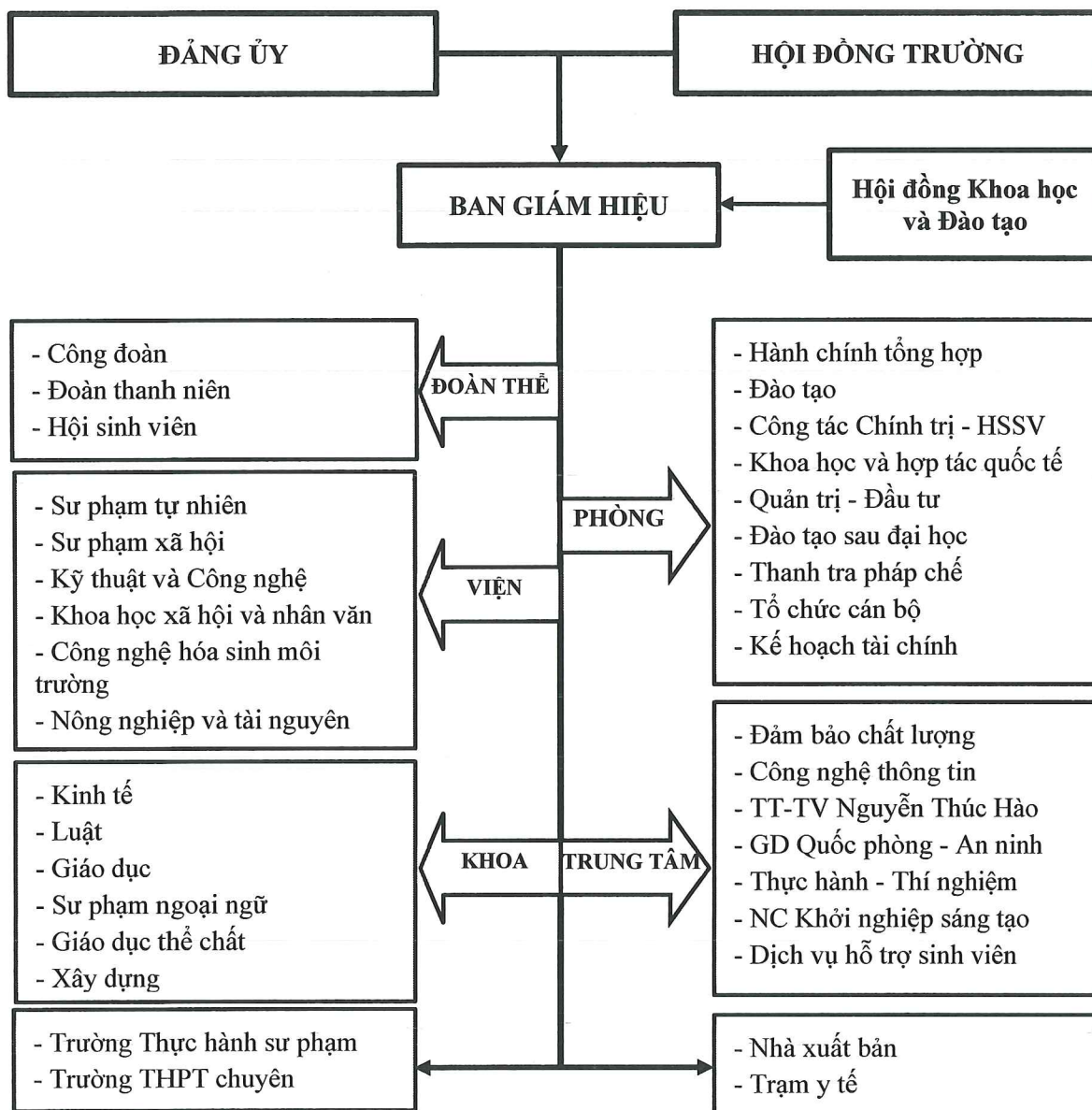
- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực, trách nhiệm, say mê, sáng tạo, hợp tác.

- **Triết lý giáo dục:** Nuôi dưỡng say mê, khuyến khích sáng tạo, tôn trọng khác biệt, thúc đẩy hợp tác.

#### 1.1.3. *Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ*

- **Cơ cấu tổ chức:** Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh được mô tả như Hình 1.1. Hiện nay, Trường đào tạo 58 ngành trình độ đại học, 37 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 17 chuyên

ngành trình độ tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên, là một trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước, và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.



**Hình 1.1.** Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh

- **Đội ngũ cán bộ:** Trường Đại học Vinh hiện có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 714 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 3 giáo sư, 50 phó giáo sư, 284 tiến sĩ, 502 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ của Trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước. Cùng với hoạt động đào tạo, đội ngũ giảng viên luôn chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ đã triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp; tổ chức trên 100 hội thảo khoa học; công bố trên 2.000 bài báo ở

các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Trường Đại học Vinh luôn nằm trong top 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

## **1.2. Khoa Kinh tế**

Ngày 24/2/2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chức năng nhiệm vụ chủ yếu của Khoa Kinh tế là: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và sau đại học khối ngành kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước; Nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực kinh tế; Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Hiện nay, Khoa đang đảm nhận đào tạo 4 ngành cử nhân: Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng. Tính đến năm học 2015-2016, Khoa Kinh tế đã và đang đào tạo hơn 8000 sinh viên chính quy và hơn 7000 sinh viên hệ vừa làm vừa học. Ngoài đào tạo bậc đại học, Khoa còn đào tạo và cấp chứng chỉ: Kế toán tổng hợp, Kế toán máy, Kế toán trưởng, Quản trị doanh nghiệp, Marketing bán hàng, Đầu tư chứng khoán, Nghiệp vụ ngân hàng,... cho hơn 3000 học viên.

Sau 13 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng nhiều. Nhiều đồng chí hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa ngày càng mở rộng.

## **1.3. Ngành Kinh tế chính trị**

Ngày 29 tháng 11 năm 2012, Khoa Kinh tế được Bộ giáo dục và Đào tạo ra quyết định số 5329/QĐ-BGDĐT cho phép đào tạo thạc sĩ ngành KTCT. Việc mở mã ngành đào tạo thạc sĩ KTCT cho thấy xu thế phát triển hội nhập kinh tế thế giới. Ngành học ra đời đã đáp ứng được nhu cầu học tập của đông đảo cán bộ và học viên, góp phần tích cực trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nước nhà.

Từ năm 2012 đến nay, Khoa Kinh tế đã đào tạo 04 khóa trình độ thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế chính trị trong đó có 02 khóa đã tốt nghiệp. Nhiều học viên tốt nghiệp đã trở thành cán bộ cốt cán của các doanh nghiệp, sở, ban, ngành của tỉnh, huyện.

## PHẦN II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Thông tin chung

1. Tên ngành:	Kinh tế chính trị
2. Mã số ngành đào tạo:	8310102
3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4. Thời gian đào tạo:	2 năm
5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:	Thạc sĩ Kinh tế học (Chuyên ngành Kinh tế chính trị)
6. Đơn vị được giao nhiệm vụ:	Khoa Kinh tế
7. Hình thức đào tạo:	Chính quy – Tập trung
8. Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
9. Ngày tháng ban hành:	
10. Phiên bản chỉnh sửa:	Phiên bản 1

### 2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

#### 2.2.1. Mục tiêu chung

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành *Kinh tế chính trị* có kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị học hiện đại, các cách tiếp cận mới đối với các vấn đề kinh tế chính trị hiện thực; có phương pháp tư duy sáng tạo, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới trong lĩnh vực kinh tế chính trị; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

#### 2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, người học có khả năng:

PO1. Áp dụng được kiến thức lý thuyết chuyên sâu, nâng cao và cập nhật của chuyên ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế chính trị để giải quyết các vấn đề về kinh tế chính trị Mác – Lênin, kinh tế chính trị thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

PO2. Có kỹ năng và phẩm chất cá nhân trong hoạt động và phát triển nghề nghiệp.

PO3. Có khả năng nghiên cứu độc lập, năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo, quản lý trong hoạch định, xây dựng, phân tích và đánh giá chính sách kinh tế xã hội..

PO4: Có kỹ năng tự đào tạo để nâng cao trình độ nghiên cứu và phương pháp sư phạm trong giảng dạy chuyên ngành kinh tế chính trị, ngành Kinh tế ở các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành phố và đoàn thể.

### 2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

#### 2.3.1. Chuẩn đầu ra

Người học có khả năng:

PLO1. Hệ thống hóa và nắm vững các kiến thức lý thuyết cơ bản chuyên sâu, nâng và nâng cao của chuyên ngành kinh tế chính trị và ứng dụng có hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.

PLO2. Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tiếp thu và phát triển các kiến thức nền tảng về kinh tế học và kinh tế chính trị, vận dụng để hoạch định, xây dựng, phân tích, đánh giá chính sách, trực tiếp quản lý điều hành các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế.

PLO3. Có kỹ năng tự đào tạo để nâng cao trình độ nghiên cứu và phương pháp sư phạm trong giảng dạy Kinh tế chính trị và các môn học khác về kinh tế ở các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành phố và đoàn thể

PLO4. Ứng dụng sáng tạo lý thuyết kinh tế chính trị, có thể phát huy các kinh nghiệm của bản thân và hình thành các kỹ năng cần thiết trong việc phân tích, đánh giá vấn đề, phân tích tình huống, xử lý các thông tin một cách thành thạo.

PLO5. Có năng lực phân tích, xử lý và kiến nghị các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội dưới góc độ Kinh tế chính trị và những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh.

PLO6. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm công dân tốt; Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

#### Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
PO1	✓			✓		✓
PO2		✓	✓	✓		
PO3				✓	✓	✓
PO4				✓		

### 2.3.2. Đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Chuẩn đầu ra	Khung trình độ quốc gia Việt Nam		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
PLO1. Hệ thống hóa và nắm vững các kiến thức lý thuyết cơ bản chuyên sâu, nâng và nâng cao của chuyên ngành kinh tế chính trị và ứng dụng có hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.	✓		
PLO2. Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tiếp thu và phát triển các kiến thức nền tảng về kinh tế học và kinh tế chính trị, vận dụng để hoạch định, xây dựng, phân tích, đánh giá chính sách, trực tiếp quản lý điều hành các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế.	✓	✓	
PLO3. Có kỹ năng tự đào tạo để nâng cao trình độ nghiên cứu và phương pháp sư phạm trong giảng dạy Kinh tế chính trị và các môn học khác về kinh tế ở các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành phố và đoàn thể		✓	
PLO4. Ứng dụng sáng tạo lý thuyết kinh tế chính trị, có thể phát huy các kinh nghiệm của bản thân và hình thành các kỹ năng cần thiết trong việc phân tích, đánh giá vấn đề, phân tích tình huống, xử lý các thông tin một cách thành thạo.		✓	✓
PLO5. Có năng lực phân tích, xử lý và kiến nghị các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội dưới góc độ Kinh tế chính trị và những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh.		✓	✓
PLO6. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm công dân tốt; Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.			✓

## **2.4. Kiến thức và kỹ năng trang bị cho người học**

### **2.4.1. Kiến thức**

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về Triết học.
- Nắm vững những kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh cấp độ B1 tiêu chuẩn châu Âu.

### **2.4.2. Kỹ năng**

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề một số vấn đề học thuật và thực tiễn thuộc chuyên ngành Kinh tế chính trị;
- Có khả năng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào phát triển kinh tế trong lĩnh vực công tác được giao;
- Có năng lực tư vấn, tham mưu lãnh đạo, quản lý, hoạch định chính sách phát triển kinh tế;
- Có kỹ năng quản lý, lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội;
- Có khả năng nghiên cứu khoa học, giảng dạy kinh tế chính trị ở các trường đại học, trung tâm chính trị.

### **2.4.3. Thái độ**

- Có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân, trung thành với Tổ quốc và nhân dân;
- Tư cách đạo đức cá nhân tốt, có lối sống lành mạnh, văn minh, giản dị và khiêm tốn, tận tụy với công việc được giao, trung thực trong chuyên môn và trong cuộc sống;
- Không ngừng phấn đấu cho sự tiến bộ của tập thể và bản thân trong thực tiễn và trong nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện tốt các chức năng xã hội của nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước.

## **2.5. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp**

Sau khi học xong chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị, người học có khả năng làm việc cụ thể:

- Cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước;

- Chuyên viên của các tổ chức kinh tế, xã hội tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và trong các doanh nghiệp, cũng như trong các cơ quan nghiên cứu về kinh tế - xã hội;

- Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu kinh tế tại các viện nghiên cứu, các cơ quan truyền thông, các trường đại học khối ngành kinh tế, đặc biệt là kinh tế chính trị hiện đại;

- Có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc học tiến sĩ.

## **2.6. Tuyển sinh**

Tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị được thực hiện theo Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh.

### **2.6.1. Phương thức, số lần và địa điểm tổ chức tuyển sinh**

- *Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm:* Thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

- *Số lần tuyển sinh:* Mỗi năm tổ chức 2 lần tuyển sinh.

- *Địa điểm tổ chức tuyển sinh:* Trụ sở của Trường Đại học Vinh (182 Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An) đã được ghi trong hồ sơ đăng ký mở chuyên ngành và các địa điểm ngoài Trường đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận các điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ; việc tổ chức thi tuyển sinh ngoài địa điểm chính phải được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

Các quy định về phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh trong năm và địa điểm tổ chức tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh.

### **2.6.2. Các môn thi tuyển**

- Thí sinh thi tuyển đầu vào CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị gồm ba môn:

(i) Môn cơ bản: Lịch sử các học thuyết kinh tế

(ii) Môn cơ sở: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

(iii) Ngoại ngữ (Tiếng Anh).

- Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn tiếng Anh:
- + Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
- + Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ giáo dục và Đào tạo về chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam.
- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài.
- + Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng trường Đại học Vinh quy định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng phải tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
- + Thí sinh là người nước ngoài có quy định riêng điều kiện ngoại ngữ về việc xét tuyển đầu vào trình độ thạc sĩ.

### **2.6.3. Ngành đúng, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Kinh tế chính trị**

Danh mục ngành đúng, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Kinh tế chính trị bao gồm:

<b>Chuyên ngành</b>	<b>Ngành phù hợp</b>	<b>Ngành gần</b>	<b>Ngành khác</b>
Kinh tế chính trị	Nhóm ngành Kinh tế học bao gồm: Kinh tế, Quản lý kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế	- Các ngành thuộc nhóm Quản trị - Quản lý: Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án - Các ngành thuộc nhóm Kinh doanh: Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời	Các ngành còn lại

		<p>trang và dệt may</p> <p>- Các ngành thuộc nhóm Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, gồm: Tài chính</p> <p>- Ngân hàng và Bảo hiểm.</p> <p>- Các ngành thuộc nhóm Kế toán - Kiểm toán, gồm: Kế toán, Kiểm toán,...</p> <p>- Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học so với ngành Kinh tế chính trị khác nhau không quá 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</p> <p>- Tốt nghiệp đại học ngành khác có bằng Cao cấp LLCT</p> <p>- Nhóm ngành Khoa học chính trị</p>	
--	--	--	--

#### 2.6.4. Học bổ túc kiến thức

##### 2.6.4.1. Đối với ngành gần

Tên ngành đúng và phù hợp (không phải học bổ sung kiến thức)	Ngành gần	
	Tên ngành đại học	Học phần bổ sung
<p>- Kinh tế chính trị</p> <p>- Nhóm ngành Kinh tế học bao gồm:</p> <p>-Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc</p>	<p>- Các chuyên ngành thuộc nhóm Quản trị - Quản lý: Quản lý kinh tế; Khoa học quản lý; Chính sách công; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin</p>	<p>1. Nguyên lý kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 TC)</p> <p>2. Lịch sử các học thuyết kinh tế (2 TC)</p>

tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế và quản lý công; Kinh tế thủy sản; Kinh tế công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế gia đình; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	quản lý; Quản lý công; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý công nghiệp; Quản lý năng lượng... - Nhóm ngành thuộc nhóm Kinh doanh. Gồm: Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại,... - Nhóm ngành thuộc nhóm Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, gồm: Tài chính - Ngân hàng; Tài chính tín dụng; Tài chính doanh nghiệp; Bảo hiểm,.. - Nhóm ngành thuộc nhóm Kế toán - Kiểm toán, gồm: Kế toán, Kiểm toán,.. - Nhóm ngành thuộc nhóm Thống kê, tin học quản lý,..	
---	---	--

#### 2.6.4.2. Đối với ngành khác

Ngành khác	Học phần bổ túc	Số tín chỉ bổ túc
Tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành đúng và ngành gần đã nêu Tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành đúng và ngành gần đã nêu Tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành đúng và ngành gần đã nêu Tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành đúng và ngành gần đã nêu Tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành đúng và ngành gần đã nêu	1. Nguyên lý kinh tế chính trị Mác – Lênin	2 TC
	2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 TC
	3. Kinh tế vi mô	2 TC
	4. Kinh tế vĩ mô	2 TC
	5. Quản lý nhà nước về kinh tế	2 TC

#### 2.5.5. Đối tượng dự tuyển

- Về văn bằng: Người dự thi phải đáp ứng điều kiện sau

(i) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng (Kinh tế chính trị), ngành phù hợp (có bằng tốt nghiệp Đại học khối ngành Kinh tế học);

(ii) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Kinh tế chính trị (tốt nghiệp đại học khối ngành Kinh tế học, Kinh doanh và quản lý) phải có giấy

chứng nhận đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức 02 môn do trường Đại học Vinh quy định;

(iii) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức 05 môn do trường Đại học Vinh quy định;

- *Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:* Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp và ngành khác loại khá trở lên đã hoàn thành bổ sung kiến thức được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Những trường hợp còn lại được đăng kí dự thi sau một năm tốt nghiệp đại học.

#### **2.6.6. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

- *Đối tượng ưu tiên:*

(i) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế xét tuyển đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

(ii) Thương binh, người hưởng chính sách thương binh;

(iii) Con liệt sĩ;

(iv) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

(v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương theo quy định;

(vi) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

- *Mức ưu tiên:* Những thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên trên được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn tiếng Anh và 1 điểm cho môn cơ bản.

#### **2.6.7. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển**

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt ít nhất 50% số điểm của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi cộng điểm ưu tiên, nếu có).

- Căn cứ chỉ tiêu đã được thông báo, tổng điểm hai môn thi gồm Lịch sử các học thuyết kinh tế và Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Vinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

#### **2.7. Điều kiện bảo vệ luận văn**

- Học viên hoàn thành CTĐT, có điểm trung bình chung các học phần trong CTĐT đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10).

- Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh quy định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt yêu cầu.

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.

- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường Đại học Vinh.

## **2.8. Điều kiện tốt nghiệp**

Điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị được thực hiện theo Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh.

Điều kiện tốt nghiệp bao gồm:

(i) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn tại Mục 2.6;

(ii) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên (thang điểm 10);

(iii) Đã nộp luận văn và được Hội đồng đánh giá luận văn đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường Đại học Vinh;

(iv) Đã công bố công khai luận văn trên trang thông tin điện tử của Trường;

(v) Các điều kiện khác do Trường Đại học Vinh quy định.

### PHẦN III. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

#### 3.1. Cấu trúc chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị được xây dựng theo hình thức đào tạo theo tín chỉ. Chương trình đào tạo có thời gian đào tạo tối đa 24 tháng được phân thành 4 học kỳ. Các học phần được phân loại theo dạng các học phần chung, các học phần cơ sở ngành bắt buộc, các học phần cơ sở ngành tự chọn, các học phần chuyên ngành bắt buộc, các học phần chuyên ngành tự chọn và luận văn tốt nghiệp. Số lượng tín chỉ của các nhóm học phần được mô tả trong Bảng 3.1.

**Bảng 3.1.** Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Nhóm học phần	Tín chỉ			
		Số lượng	%	Bắt buộc	Tự chọn
1	Học phần chung	2	6,9%	2	0
2	Học phần cơ sở ngành	8	27,6%	4	4
3	Học phần chuyên ngành	4	13,8%	2	2
4	Luận văn tốt nghiệp	15	51,7%	15	0
<b>Tổng</b>		<b>29</b>	<b>100%</b>	<b>23</b>	<b>6</b>

#### 3.2. Các học phần theo khối kiến thức

##### 3.2.1. Các học phần chung

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
<b>Các học phần bắt buộc</b>		
1	Triết học <i>Philosophy</i>	4
2	Tiếng Anh <i>English</i>	3
<b>Tổng số tín chỉ:</b>		<b>7</b>

##### 3.2.2. Các học phần cơ sở ngành

TT	Tên học phần	Số TC
<b>Các học phần bắt buộc</b>		
1	<b>Các học thuyết kinh tế hiện đại</b> (Modern economic doctrines)	3
2	<b>Kinh tế vĩ mô nâng cao</b>	3

	(Macroeconomic enhancement)	
3	<b>Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội</b> (State management of socio-economic)	3
4	<b>Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế</b> (Economic science research methods)	3
<b>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần)</b>		
1	<b>Kinh tế quốc tế nâng cao</b> (International economic integration)	3
2	<b>Kinh tế phát triển nâng cao</b> (Advanced economic development)	3
3	<b>Kinh tế công cộng</b> (Public economy)	3
4	<b>Kinh tế nguồn nhân lực</b> (Human resources economics)	3
5	<b>Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế</b> (Ho Chi Minh ideology of economics)	3
6	<b>Tài chính Ngân hàng và sự phát triển</b> (Banking Finance and Development)	3
7	<b>Các tư tưởng kinh tế của nhà kinh tế đạt giải Nobel cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI</b> (Nobel Prize-winning economists in the late twentieth century)	3
8	<b>Phân tích chính sách kinh tế</b> (Economic policy analysis)	3

### 3.2.3. Các học phần chuyên ngành

TT	Tên học phần	Số TC
<b>Các học phần bắt buộc</b>		
1	<b>Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao</b> (Marxist - Leninist political economy advanced)	3
2	<b>Kinh tế chính trị ở Việt Nam</b>	3

	(Political economy in Vietnam)	
3	<b>Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động</b> (Modern capitalism and movement tendencies)	3
<b>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 học phần)</b>		
1	<b>Giới thiệu tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về kinh tế chính trị</b> (Introduce the work of C.Mark, Ph.Angen and V.I.Lenin on political economy)	3
2	<b>Các mô hình công nghiệp hóa</b> (Industrialization models)	3
3	<b>Kinh tế học các vấn đề xã hội</b> (Economics of social issues)	3
4	<b>Kinh tế tri thức</b> (Knowledge economy)	3
5	<b>Phát triển bền vững</b> (Sustainable Development)	3
6	<b>An sinh xã hội</b> (Social Security)	3

### 3.2.4. Luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 15

### 3.3. Mô tả học phần

#### 3.3.1. Triết học

- Mô tả học phần: Học phần được kết cấu thành 11 chương, trình bày khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và lịch sử triết học Mác - Lênin; trình bày các chuyên đề triết học.

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho học viên thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng; giúp người học vận dụng các kiến thức triết học để nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

#### 3.3.2. Tiếng Anh

- Mô tả học phần: Tiếng Anh là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo thạc sĩ của

tất cả các chuyên ngành và được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khoá đào tạo.

- *Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ trung cấp (intermediate level hoặc bằng C), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hoá các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.

### **3.3.3. Các học thuyết kinh tế hiện đại**

- *Mô tả học phần:* Học phần thuộc kiến thức cơ sở cung cấp những kiến thức nâng cao về các học thuyết kinh tế hiện đại. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

- *Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức về vận dụng các học thuyết kinh tế hiện đại. Học viên cần có những kiến thức nâng cao về kinh tế và tư tưởng kinh tế. Nắm vững những kiến thức quan trọng liên quan tới vận dụng các học thuyết vào bối cảnh kinh tế hiện nay.

### **3.3.4. Kinh tế vĩ mô nâng cao**

- *Mô tả học phần:* Học phần thuộc kiến thức cơ sở cung cấp cơ sở lý luận cơ bản về kinh tế học ở tầm vĩ mô cho các môn học chuyên ngành. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

- *Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho học viên nền tảng tri thức kinh tế về chuyên ngành kinh tế học vĩ mô, khung khổ phân tích định lượng các hiện tượng, quá trình kinh tế trên quy mô tổng thể của nền kinh tế quốc dân. Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kiến thức toán học.

### **3.3.5. Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội**

- *Mô tả học phần:* Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của QLNN về kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh tiếp tục thúc đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

- *Mục tiêu học phần:* Hiểu và nắm vững quan điểm, đường lối đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế của Đảng, nhà nước ta trong thực tiễn hiện nay, vận dụng sáng tạo

trong hoạt động thực tiễn của mỗi học viên.

### **3.3.6. Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế**

- **Mô tả học phần:** Một trong những kỹ năng thiết yếu mà Học viên ngành kinh tế cần có là khả năng phân tích vấn đề và cách thức giải quyết vấn đề kinh tế. Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế Chính trị sẽ giúp Học viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề nghiên cứu thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Học viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Do đó kết quả nghiên cứu không thể giải thích toàn bộ, nó chỉ mang giá trị giải thích một phần hiện thực. Thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế là cách tốt nhất để học môn học này.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị kiến thức, bồi dưỡng phương pháp, rèn luyện kỹ năng

+ Kiến thức: Học viên nắm được những kiến thức về Bản chất của quá trình nghiên cứu khoa học; Các bước thiết kế nghiên cứu; Cách thức thu thập và xử lý số liệu; Cách thức viết báo cáo nghiên cứu;

+ Kỹ năng: Thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong khoa học kinh tế; Áp dụng các kiến thức thông kê để hình thành các phương pháp tính toán; Thiết lập câu hỏi điều tra; Kỹ năng thu thập dữ liệu; Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu; Kỹ năng thuyết trình trước đám đông

+ Thái độ, chuyên cần: Làm cho Học viên say mê nghiên cứu khoa học; Có thái độ trân trọng, niềm tin đối với các nhà khoa học và các công trình nghiên cứu, có ý thức đề cao các ứng dụng khoa học; Hăng say học tập, nghiên cứu khoa học

### **3.3.7. Kinh tế quốc tế nâng cao**

- **Mô tả học phần:** Vị trí môn học: thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị những tri thức kinh tế cơ bản về các lý luận kinh tế trong giao dịch quốc tế, kinh tế đối ngoại. Học viên phải có kiến thức về Kinh tế học vĩ mô và vi mô; kiến thức về ngoại thương, quan hệ kinh tế đối ngoại.

### **3.3.8. Kinh tế phát triển nâng cao**

- **Mô tả học phần:** Thuộc học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn. Những kiến thức học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần khác trong chương trình của cao học Kinh tế. Nó góp phần tích cực tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu Quản lý kinh tế. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

- **Mục tiêu học phần:**

Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển. Giúp cho người học có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào các hoạt động thực tiễn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững. Nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu trong việc tích cực góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

### **3.3.9. Kinh tế công cộng**

- **Mô tả học phần:** Thuộc học phần kiến thức tự chọn, tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị. Phương pháp giảng dạy: Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

- **Mục tiêu học phần:** Cung cấp kiến thức kinh tế chuyên sâu về sử dụng các nguồn lực công, lý giải nhiều hiện tượng kinh tế trong lĩnh vực mà cơ chế vận hành của chúng chủ yếu không tuân theo quy luật thị trường thuần túy. Yêu cầu học viên phải có trước những kiến thức về kinh tế học vĩ mô và vi mô, quản lý nhà nước về kinh tế. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ lãnh đạo trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

### **3.3.10. Kinh tế nguồn nhân lực**

- **Mô tả học phần:** Vị trí học phần: đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm nâng cao việc nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một quốc gia. Nội dung của học phần cung cấp những kiến thức bổ trợ giúp học viên nghiên cứu sâu những nội dung trong chuyên ngành Kinh tế chính trị như lao động, sức lao động, tiền lương...

- **Mục tiêu học phần:** Mục tiêu tổng quát của học phần này là trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về quản trị nhân sự, qua đó giúp cho những nhà quản trị

tương lai phát triển và khai thác hiệu quả nguồn lực: “con người” của tổ chức, và qua đó sử dụng tốt tất cả những nguồn lực sẵn có trong tổ chức.

Cụ thể, học phần sẽ giúp sinh viên nhận thức đúng đắn vai trò của con người và ý nghĩa quan trọng của quản trị nhân sự trong một tổ chức.

Học phần sẽ tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thị trường lao động (cung cầu lao động), tiền lương (chính sách, chế độ tiền lương) giúp học viên cao học có được kiến thức toàn diện hơn, qua đó ứng dụng kiến thức của những học phần khác vào thực tiễn mang tính đồng bộ và có hiệu quả hơn.

### **3.3.11. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế**

- *Mô tả học phần:* Vị trí học phần: đây là học phần kiến thức cơ sở tự chọn, cung cấp cho học viên những tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về kinh tế, tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị. Tư tưởng của Bác về chủ nghĩa đế quốc; về thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta; về phát triển ngành nghề; về quản lý nhà nước. Quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển con người, thực hiện công bằng xã hội.

- *Mục tiêu học phần:*

- *Về kiến thức:* trang bị cho người học những tư tưởng kinh tế quan trọng của Hồ Chủ tịch, góp phần sáng rõ hơn các tư duy kinh tế của Việt Nam.

- *Về ý thức, tư tưởng:* tăng ý thức tự giác, chủ động vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống.

### **3.3.12. Tài chính Ngân hàng và sự phát triển**

- *Mô tả học phần:* Vị trí môn học thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, góp phần tích cực tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị.

- *Mục tiêu học phần:* Trang bị cho học viên công cụ phân tích tài chính, tiền tệ với tư cách các công cụ trực tiếp tác động tới mọi hiện tượng, quá trình kinh tế, trang bị hệ thống tri thức và các mô hình kinh tế liên quan tới quy luật vận động của các nguồn lực tài chính, tiền tệ. Học viên phải có kiến thức cơ bản về Kinh tế học vĩ mô, vi mô; Kinh tế học công cộng; kiến thức nhất định về tiền tệ, ngân hàng, ngân sách nhà nước và chứng khoán.

### **3.3.13. Các tư tưởng kinh tế của nhà kinh tế đạt giải Nobel cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI**

- **Mô tả học phần:** Là học phần chuyên ngành tự chọn, trang bị cho học viên những tư tưởng kinh tế hiện đại từ các nhà khoa học đạt giải thưởng Nobel về kinh tế học.

- **Mục tiêu học phần:** Giúp học viên nắm được sự phát triển những tư tưởng hiện đại về kinh tế qua những công trình đoạt giải thưởng Nobel về kinh tế từ năm 1969 đến nay. Qua đó cung cấp cho học viên cơ sở khoa học để nghiên cứu các môn kinh tế học hiện đại.

#### **3.3.14. Phân tích chính sách kinh tế**

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Kinh tế chính trị. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản trị công, Kinh tế học công cộng, Quản lý kinh tế, Kinh tế chính trị; các kỹ năng phân tích, tổng hợp. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ lãnh đạo trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị cho học viên những kỹ năng mới mà còn rất thiếu hiện nay – đó là phương pháp luận và kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn chính sách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

#### **3.3.15. Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao**

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình cao học Kinh tế chính trị. Nắm được những nguyên lý về bản chất kinh tế của CNTB và các quy luật của kinh tế thị trường với tư cách là văn minh mà nhân loại đã được trong CNTB. Tiếp cận những kết quả nghiên cứu hiện đại về các khuynh hướng, tư tưởng kinh tế mới trên cơ sở kế thừa học thuyết Mác.

- **Mục tiêu học phần:** Nhận thức rõ những lý luận kinh tế cơ bản của C.Mác về chủ nghĩa tư bản, quan điểm/khuynh hướng phát triển tư tưởng của Mác trong giai đoạn hiện nay từ đó nâng cao hiệu quả nhận thức về bản chất, quy luật vận động của CNTB và những quy luật của nền kinh tế thị trường phục vụ thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam.

#### **3.3.16. Kinh tế chính trị ở Việt Nam**

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Kinh tế chính trị. Học viên phải có kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin. Am hiểu học thuyết kinh tế của Mác, tư tưởng kinh tế của Hồ Chí Minh. Nắm vững văn kiện các đại hội Đảng cộng sản Việt Nam. Nội dung học phần giới

thiệu hệ thống pháp luật điều chỉnh các hành vi kinh tế của xã hội. Phân tích và đánh giá thực trạng khung khổ pháp luật kinh tế đang thực thi. Những quy định và thông lệ quốc tế trong hoạt động kinh tế đối ngoại

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị cho người học hệ thống tri thức căn bản về những vấn đề kinh tế học chính trị trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam, giúp cho người học nắm bắt và hiểu rõ tầm quan trọng và tư duy kinh tế trong một giai đoạn quá độ trên con đường đi lên CNXH.

### **3.3.17. Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động**

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Kinh tế chính trị. Giúp học viên hiểu rõ phương pháp nghiên cứu, phát hiện bản chất các hiện tượng và quá trình vận động kinh tế của CNTB, từ đó nâng cao khả năng nghiên cứu và tư duy của bản thân. Củng cố niềm tin khoa học của học viên về chủ nghĩa Mác – Lênin và đường lối kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam, phê phán có căn cứ các quan điểm phi Mác – xít, sai lệch.

- **Mục tiêu học phần:** Cung cấp những kiến thức cơ bản chuyên sâu về chủ nghĩa tư bản (nguyên nhân hình thành, qui luật vận động, xu hướng tiến triển của CNĐQ và quan trọng hơn cung cấp cho học viên phương pháp tiếp cận các tư tưởng này dưới góc độ lịch sử sự hình thành phát triển các tư tưởng kinh tế về CNĐQ)

### **3.3.18. Giới thiệu tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về kinh tế chính trị**

- **Mô tả học phần:** Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Kinh tế chính trị, cung cấp những kiến thức cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về kinh tế chính trị. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

- **Mục tiêu học phần:** Cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức trong các tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về kinh tế chính trị. Học viên cần có những kiến thức cơ bản về kinh tế và tư tưởng kinh tế. Nắm vững những kiến thức quan trọng liên quan tới kinh tế chính trị của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin.

### **3.3.19. Các mô hình công nghiệp hóa**

- **Mô tả học phần:** Vị trí môn học: thuộc học phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Những kiến thức học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần khác trong

chương trình của cao học Kinh tế chính trị. Nó góp phần tích cực tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu kinh tế chính trị.

**- Mục tiêu học phần:**

- *Về kiến thức:* Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, trọng yếu về công nghiệp hóa và mô hình công nghiệp hóa.

- *Về phương pháp, kỹ năng:* giúp cho người học có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào hoạt động thực tiễn, góp phần đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước, từ đó phát triển nền kinh tế theo hướng bền vững.

- *Về ý thức, tư tưởng:* nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu trong việc tích cực góp phần đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH địa phương, ngành và đất nước.

### **3.3.20. Kinh tế học các vấn đề xã hội**

- *Mô tả học phần:* Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở, trang bị cho người học tri thức kinh tế nền tảng về các vấn xã hội. Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kinh tế học nâng cao, kiến thức toán học.

- *Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho học viên nền tảng tri thức kinh tế về các vấn đề xã hội bên cạnh chuyên ngành kinh tế học vĩ mô, cách tiếp cận các vấn đề xã hội từ ngôn ngữ kinh tế và phân tích đánh giá bằng các công cụ toán kinh tế. Từ đó, môn học trang bị cho người học hệ thống tri thức tổng hợp để đủ khả năng nhận thức toàn diện về các hiện tượng và quá trình kinh tế và xã hội.

### **3.3.21. Kinh tế tri thức**

- *Mô tả học phần:* Đây là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành tự chọn. Hướng cho học viên tiếp cận lý luận về nền kinh tế tri thức: nghiên cứu nội hàm của nền kinh tế tri thức, đặc trưng, các chỉ tiêu đo lường nền kinh tế tri thức. Thay đổi vai trò của các nguồn lực và tầm quan trọng của tri thức trong phát triển kinh tế - xã hội. Những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế tri thức. Tầm quan trọng của nền kinh tế tri thức trong nấc thang phát triển mới của nhân loại. Tác động của nền kinh tế tri thức đối với các nước đi sau trong việc lựa chọn con đường đi tắt trong phát triển kinh tế. Những cơ hội và thách thức của Việt Nam trong chiến lược đi trước đón đầu. Những định hướng và giải

pháp cốt yếu của Việt Nam trong việc đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- **Mục tiêu học phần:** Cung cố thêm cho người học những tiếp cận mới, kiến thức mới về nấc thang cao hơn của lực lượng sản xuất - kinh tế tri thức. Đó là một xu thế tất yếu của nhân loại. Học viên phải học qua các môn như học thuyết kinh tế của Mác, lịch sử tư tưởng kinh tế, kinh tế học, những vấn đề kinh tế chính trị trong điều kiện toàn cầu hóa TBCN.

### **3.3.22. Phát triển bền vững**

- **Mô tả học phần:** Là học phần chuyên ngành tự chọn, trang bị cho học viên những kiến thức về phát triển bền vững, (tiến trình, khái niệm, nội dung và các nguyên tắc phát triển bền vững; Các tiêu chí đánh giá tính bền vững; Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam).

- **Mục tiêu học phần:** Giúp học viên có hệ thống tri thức tổng hợp và toàn diện về phát triển bền vững của các khía cạnh trong đời sống xã hội loài người. Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kinh tế học nâng cao, kinh tế phát triển.

### **3.3.23. An sinh xã hội**

- **Mô tả học phần:** Học theo chương trình tự chọn do Khoa Kinh tế biên soạn. Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại để truyền tải những nội dung, chính sách an sinh xã hội gắn với sự phát triển bền vững.

- **Mục tiêu học phần:** Là học phần tự chọn, trang bị cho người học những kiến thức về chính sách xã hội để làm rõ thêm mối quan hệ trong quá trình phát triển kinh tế gắn với công bằng xã hội và phát triển bền vững.

## PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

### 4.1. Đội ngũ giảng viên

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị có 02 PGS.TS, 15 tiến sĩ, 3 nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án cấp cơ sở chuyên ngành Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế, kinh tế phát triển, .... Đội ngũ CBGD của CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị đã công bố nhiều công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế và các kỷ yếu hội thảo quốc tế và đã thực hiện nhiều đề tài cấp Bộ và cấp Trường. Đội ngũ giảng viên của CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị như mô tả trong Bảng 4.1. và bảng 4.2.

**Bảng 4.1. Đội ngũ giảng viên Khoa Kinh tế**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Thành tích NCKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	<b>Nguyễn Đăng Bằng</b> Năm sinh: 1952 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh	Phó Giáo sư, 2010	TS Việt Nam, 2001	Kinh tế chính trị	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp tỉnh, 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Trường trọng điểm, 04 cuốn sách, 27 bài báo khoa học.
2.	<b>Bùi Văn Dũng</b> Năm sinh: 1969, Trường Đại học Vinh	Phó Giáo sư, 2014	TS Triết Việt Nam, 1999; TS Kinh tế, 2015	Triết học - Kinh tế chính trị	Chủ nhiệm 07 đề tài cấp Bộ, 04 đề tài cấp Trường. Viết 05 sách, 04 giáo trình và 49 bài báo khoa

3.	<b>Đinh Trung Thành</b> Năm sinh: 1970 Phó trưởng Phòng Đào tạo SĐH, Trường Đại học Vinh		TS Việt Nam, 2009	Kinh tế chính trị	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 04 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, Viết 2 sách, 3 giáo trình và 22 bài báo khoa học.
4.	<b>Trần Thị Hoàng Mai</b> Năm sinh: 1979 Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2016	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Trường. Viết 02 giáo trình và 16 bài báo khoa học
5.	<b>Nguyễn Hoài Nam</b> Năm sinh: 1981 Trưởng Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 02 đề tài cấp Bộ, Viết 02 giáo trình và 16 bài báo khoa học
6.	<b>Thái Thị Kim Oanh</b> Năm sinh: 1979 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Trường Viết 01 giáo trình và 15 bài báo khoa học
7.	<b>Hồ Thị Diệu Ánh</b> Năm sinh: 1979 Trưởng Bộ môn QTKD, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản trị kinh doanh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, Viết 02 giáo trình và 11 bài báo khoa học
8.	<b>Nguyễn Thị Minh Phượng</b> Năm sinh: 1978 Trưởng Bộ môn Kinh tế đầu tư và phát triển, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2012	Kinh tế phát triển	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Tỉnh, 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 02 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp tỉnh. Viết 2 sách, 02 giáo trình và 24 bài báo khoa học

9.	<b>Nguyễn Thị Thúy Vinh</b> Năm sinh: 1977 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2014	Kinh tế phát triển	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp Trường. Viết 01 sách, 01 giáo trình và 08 bài báo khoa học
10.	<b>Nguyễn Thị Thu Cúc</b> Năm sinh: 1978 Phó trưởng Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Tài chính	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 03 đề tài cấp Bộ, viết 01 cuốn giáo trình, 18 bài báo khoa học
11.	<b>Hồ Mỹ Hạnh</b> Năm sinh: 1977 Phó trưởng Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2014	Kế toán	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Trường. Viết 1 sách, 3 giáo trình và 13 bài báo khoa học
12.	<b>Đặng Thành Cương</b> Năm sinh: 1980 Trưởng Bộ môn Tài chính Ngân hàng, Khoa Kinh tế Trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2012	Tài chính	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Viết 01 giáo trình, 12 bài báo khoa học
13.	<b>Phạm Thị Thúy Hằng</b> Năm sinh: 1983 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Kế toán	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh Viết 02 sách, 01 giáo trình và 16 bài báo khoa học
14.	<b>Nguyễn Thị Bích Liên</b> Năm sinh: 1982 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		Đã bảo vệ luận án cấp cơ sở (2016)	Kinh tế phát triển	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, và 09 bài báo khoa học

15.	<b>Nguyễn Thị Thúy Quỳnh</b> Năm sinh: 1983 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		Đã bảo vệ luận án cấp cơ sở (2016)	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường. Viết 02 giáo trình và 07 bài báo khoa học
16.	<b>Nguyễn Thị Hải Yến</b> Năm sinh: 1980 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		Đã bảo vệ luận án cấp cơ sở (2016)	Kinh tế chính trị	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Viết 01 sách, 02 giáo trình và 08 bài báo khoa học
17.	<b>Trần Tú Khánh</b> Năm sinh: 1978 Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, trường ĐH Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Tham gia 05 đề tài cấp bộ, 05 bài báo khoa học
18.	<b>Nguyễn Thị Hạnh Duyên</b> Năm sinh: 1981 Trưởng Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2016	Kế toán, Kiểm toán và phân tích	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, Viết 01 sách, 03 giáo trình và 12 bài báo khoa học
19.	<b>Nguyễn Hoài Nam</b> Năm sinh: 1981 Trưởng Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 02 đề tài cấp Bộ, Viết 02 giáo trình và 16 bài báo khoa học
20.	<b>Thái Thị Kim Oanh</b> Năm sinh: 1979 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Trường Viết 01 giáo trình và 15 bài báo khoa học

**Bảng 4.2. Đội ngũ CBGD thỉnh giảng có học hàm học vị của Khoa Kinh tế**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích NCKH
1	<b>Nguyễn Thị Ngọc Huyền</b> Năm sinh: 1960 Nguyên Trưởng Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	PGS 2003	TS 1987	Quản lý kinh tế	25 năm	Chủ nhiệm và tham gia 01 đề tài cấp nhà nước, 02 đề tài cấp bộ trọng điểm, 05 đề tài cấp bộ, 02 đề tài hợp tác quốc tế, 02 đề tài cấp tỉnh, 02 đề tài cấp cơ sở, Chủ biên và tham gia 15 giáo trình, 46 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế
2	<b>Mai Ngọc Anh</b> Năm sinh: 1980 Phó trưởng Bộ môn, Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	PGS 2014	TS 2009	Quản lý kinh tế	08 năm	Chủ nhiệm và tham gia 01 đề tài cấp nhà nước, 05 đề tài cấp bộ, 02 đề tài hợp tác quốc tế, 01 đề tài cấp cơ sở, Chủ biên và tham gia 06 cuốn sách, 36 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế
3	<b>Lê Đình Lý</b>		TS	Quản lý		Tham gia 02 đề

	Năm sinh: 1967 Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An		2013	kinh tế		tài cấp Tỉnh, 07 bài báo đăng trên các tạp chí
4	<b>Mai Ngọc Cường</b> Năm sinh: 1953 Tổng biên tập Tạp chí Kinh tế và phát triển Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	GS 2003	TS 1989	Kinh tế chính trị	23 năm	Chủ nhiệm 05 đề tài cấp nhà nước, 15 đề tài cấp bộ, 05 đề tài hợp tác quốc tế, 04 đề tài cấp cơ sở, Chủ biên 19 cuốn sách, 56 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế
5	<b>Nguyễn Hữu Đạt</b> Năm sinh: 1953 Tổng biên tập Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Viện Kinh tế Việt Nam	PGS 2009	TS 1994	Kinh tế chính trị	18 năm	Chủ nhiệm 05 đề tài cấp Nhà nước, 03 đề tài cấp Bộ, Chủ biên 03 sách, đăng 25 bài báo khoa học
6	<b>Nguyễn Đình Long</b> Năm sinh: 1951 Giảng viên Học viện Nông nghiệp Hà Nội	PGS 2003	TS Liên Xô 1988	Kinh tế chính trị	15 năm	Chủ nhiệm 08 đề tài cấp bộ trọng điểm, Chủ biên 03 cuốn sách, tham gia 05 cuốn, viết 02 giáo trình và 20 bài báo khoa học

## PHẦN V. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

### 5.1. Giảng đường

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của chuyên ngành Kinh tế chính trị. Hiện tại, Trường có 282 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 52,143m<sup>2</sup>, 9 phòng học tiếng nước ngoài với tổng diện tích 1115 m<sup>2</sup>, 36 phòng học máy tính với tổng diện tích 6.280 m<sup>2</sup>. Tất cả các phòng học ở nhà A, B, D (192 phòng) được lắp đặt hệ thống điều hòa và máy chiếu. Hệ thống phòng học được Phòng Quản trị - Đầu tư quản lý bằng hệ thống phần mềm và được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Trường.

### 5.2. Thư viện

Thư viện Trường được thành lập năm 1959, hiện nay có tên là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào”, <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>. Thư viện được bố trí tại một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 9.000m<sup>2</sup> bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 08 kho sách, 06 phòng đọc với 1.800 chỗ ngồi. Thư viện được trang bị đầy đủ các thiết bị để hoạt động gồm bàn ghế, tủ sách và hệ thống thiết bị máy móc như đầu kỹ thuật số, điều hòa, máy photocopy, máy tính, ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học.

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và học viên chuyên ngành Kinh tế chính trị. Thư viện được kết nối Internet, phục vụ dạy, học và NCKH hiệu quả. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ đào tạo, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, ... Thư viện đã có hướng dẫn sử dụng thư viện, các quy định liên quan đến hoạt động của thư viện và thời gian sử dụng thư viện hai buổi mỗi ngày trong năm học (kể cả thứ 7 và chủ nhật). Thư viện có hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 nhằm tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian. Hiện nay thư viện có gần 14.500 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Thư viện đã thực hiện việc phối hợp,

liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ.

### **5.3. Môi trường và cảnh quan**

Trường có khuôn viên rộng với nhiều cây xanh, đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo thuận lợi để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường có các khu giảng đường, khu làm việc của các Khoa/Viện, Thư viện, Phòng thí nghiệm, không gian học tập phục vụ cho nhu cầu học tập và NCKH của người học. Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, sân vận động, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho các hoạt động sinh hoạt, vui chơi của người học. Khu hiệu bộ và các Phòng/Trung tâm được bố trí tại tòa nhà 8 tầng với cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ, hiện đại. Văn phòng làm việc của Viện được bố trí tại khu nhà A0 gồm 5 tầng gần các giảng đường (nhà A, nhà B và nhà D) và các phòng thực hành - thí nghiệm, tạo thuận lợi cho người học trong quá trình học tập và NCKH.

## PHẦN VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- *Thông tư Số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

- *Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.*

- *Quyết định Số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21 tháng 09 năm 2017 về Ban hành Khung chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh.*

Chương trình khung trình bày tóm tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế với thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Trên cơ sở khung chương trình, bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề cương chi tiết học phần, tiến tới biên soạn bài giảng, giáo trình học phần. Bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự đã được hội đồng khoa học thông qua.

- Hàng năm Hội đồng Khoa học - Đào tạo sẽ đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàng năm chiếm tỷ trọng tối đa là 20%;

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

### 6.1. Đối với bộ môn quản lý chương trình

- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;

- Phối hợp với Phòng đào tạo Sau đại học để hướng dẫn học viên đăng ký các học phần;

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

### 6.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học viên trước một tuần để học viên chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Tổ chức cho học viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn học viên làm tiểu luận, bài tập lớn, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn học viên viết thu hoạch.

### **6.3. Kiểm tra, đánh giá**

- Giảng viên phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của học viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà;

- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

### **6.4. Đối với học viên**

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cán bộ phụ trách ngành để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ;

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar;

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu;

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.



HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS Nguyễn Huy Bằng